TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-PT
Ngày: 18-02-2020.
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị An Tiên; ông Phạm Văn Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Sinh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 40/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1959, cư trú tại: Ấp H, xã H1, huyện H2, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim L: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983, cư trú tại: Khu phố 1, phường H3, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy ủy quyền ngày 23-10-2018, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1966, cư trú tại: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị M: Ông Phan Văn V, sinh năm 1957, cư trú tại: Ấp H4, xã H1, huyện H2, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy ủy quyền ngày 09-4-2019, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà L là anh Nguyễn Văn N trình bày:

Bà Huỳnh Thị M là đầu thảo, bà L là hụi viên, bà L tham gia góp 02 phần trong dây hụi 10.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 29-3-2017 âm lịch. Khi mới mở thì dây hụi gồm 12 phần, bà L lĩnh một phần vào lần khui đầu tiên, với số tiền 89.000.000 đồng (kêu 1.900.000 đồng, lĩnh 8.100.000 đồng x 11 phần, trừ 4.000.000 đồng tiền hoa hồng cho đầu thảo, còn lại số tiền thực nhận là 85.000.000 đồng), có giấy giao hụi, sau đó bà M thêm vào 4 phần nữa nên giao thêm cho bà L 32.400.000 đồng (4 phần x 8.100.000 đồng), khi giao thêm không ghi giấy tờ. Như vậy dây hụi có tổng cộng 16 phần và kết thúc vào ngày 29-6-2018 âm lịch.

Phần hụi còn lại bà L góp hụi sống đầy đủ đến ngày kết thúc, thay vì bà M phải giao cho bà L 14 phần với số tiền 136.000.000 đồng (16 phần trừ đi 02 phần của bà L còn lại 14 phần, mỗi phần 10.000.000 đồng, thành tiền là 140.000.000 đồng, trừ 4.000.000 đồng tiền hoa hồng bà M được hưởng, còn lại 136.000.000 đồng) nhưng đến ngày 04-7-2018 bà L đến nhận tiền hụi, bà M không giao.

Bà L khởi kiện yêu cầu bà M trả 136.000.000 đồng tiền hụi và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 9%/năm, từ ngày 04-7-2018 đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn bà Huỳnh Thị M và người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông Phan Văn V trình bày:

Bà M có nợ bà L 136.000.000 đồng tiền hụi như bà L khởi kiện nhưng không trả vì bà L có bảo lãnh cho anh Thái Tường G vay của bà M 200.000.000 đồng, anh G đã bỏ trốn, bà M giữ lại tiền hụi để bà L phải trả 200.000.000 đồng tiền bảo lãnh cho anh G. Bà L khởi kiện yêu cầu trả 136.000.000 đồng bà M chấp nhận và đã ký tên vào biên bản hòa giải của Tòa án nhưng sau đó bà M suy nghĩ lại là không thể trả vì phải trừ tiền bảo lãnh cho anh G nên bà M thay đổi ý kiến. Mặt khác, dây hụi chỉ có 12 hụi viên không phải 16 hụi viên.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 40/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Huỳnh Thị M trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền nợ hụi 151.708.000 đồng, gồm 136.000.000 đồng nợ gốc và 15.708.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019, bà Huỳnh Thị M kháng cáo yêu cầu xem xét lại nội dung vụ án, thủ tục tố tụng, hủy bản án sơ thẩm để thu thập thêm chứng cứ.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà M cung cấp giấy xác nhận của một số hụi viên, nội dung xác nhận dây hụi bà L tham gia chỉ có 12 phần.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bà M giữ nguyên kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim L và bà Huỳnh Thị M đã thống nhất là bà L có góp 02 phần hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 29-3-2017 âm lịch, do bà M làm đầu thảo. Bà L đã lĩnh một phần, bà M đã giao xong, không tranh chấp.

Bà M thừa nhận đối với phần hụi còn lại, bà L góp hụi sống đầy đủ, được lĩnh hụi vào kỳ cuối nhưng chưa giao mặc dù dây hụi đã kết thúc.

[2] Bà M kháng cáo cho rằng dây hụi 10.000.000 đồng/tháng mở ngày 29-3-2017 âm lịch chỉ có 12 phần, không phải 16 phần như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định. Xét kháng cáo của bà M thấy rằng:

Trước khi bà L khởi kiện bà M thì ông Nguyễn Văn Sơn (là người mà có lần bà L nhờ góp hụi thay) đã khởi kiện bà M vì cho rằng ông Sơn là người góp hụi, không phải bà L. Trong Bản tự khai ghi ngày 11-9-2018, gửi cho Tòa án nhân dân huyện B, bà M khai như sau: *Hụi gồm 16 phần cụ thể là: 7 Don 2 phần; Đẹt 02 phần; Út 01 phần; Phượng 02 phần, L 02 phần; Nam 01 phần, Loan 01 phần; Giảng 01 phần; Ngươn 01 phần; Như 01 phần; Điệp 02 phần, không giao danh sách cho các hụi viên vì hụi viên không yêu cầu; bà L tham gia 02 phần, lĩnh 01 phần, khi lĩnh hụi chỉ gồm 12 phần bà L kêu 1.900.000.000 đồng nên lĩnh mỗi phần là 8.100.000 đồng, sau đó thêm vào 04 phần nên giao thêm 32.400.000 đồng cho bà L, bà L còn một phần hụi sống đến khi mãn là 136.000.000 đồng tôi chưa giao cho bà L do bà L còn nợ tôi rất nhiều tiền.*

Danh sách hụi viên bà M khai đúng với tên hụi viên và số phần trong tờ giấy hụi bà M ghi theo dõi, có trong hồ sơ vụ án.

Do bà M xác định bà L là hụi viên, không phải ông Sơn nên ông Sơn rút đơn khởi kiện và bà L đã khởi kiện bà M trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 14-3-2019, bà M đã thỏa thuận được với bà L như sau: Dây hụi có 16 phần, chấp nhận trả cho bà L 136.000.000 đồng, bà L không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả. Tuy sau đó bà M thay đổi ý kiến thỏa thuận nhưng lý do thay đổi là để bà L trả số tiền 200.000.000 đồng bảo lãnh cho anh Thái Tường G vay của bà M, không thay đổi hay thắc mắc gì về số phần trong dây hụi đang tranh chấp.

Bà M đã có đơn phản tố, yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền 200.000.000 đồng anh G vay nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của bà M khiếu nại nhưng sau đó rút đơn. Bà M đã khởi kiện bà L bằng vụ án khác, Tòa án nhân dân huyện H2 đang giải quyết.

Lời khai của bà M theo Biên bản hòa giải thành ngày 14-3-2019 phù hợp với lời khai của bà M theo Bản tự khai ngày 11-9-2018, phù hợp với danh sách hụi bà M ghi theo dõi.

Vì vậy, có căn cứ xác định dây hụi đang tranh chấp có 16 phần, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà M phải trả 136.000.000 đồng tiền lĩnh hụi và tiền lãi do chậm trả từ ngày phải giao hụi nhưng bà M không giao là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Văn V là người đại diện theo ủy quyền của bà M cho rằng trong danh sách hụi chỉ có 12 phần không phải 16 phần, cung cấp chứng cứ chứng minh là giấy xác nhận của 06 người được cho là hụi viên trong dây hụi đang tranh chấp, nội dung xác nhận dây hụi chỉ có 10 người và 01 người là đầu thảo, hụi kết thúc vào tháng 02-2018 âm lịch, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để thu thập thêm chứng cứ.

Xét yêu cầu của ông V thấy rằng: Theo Bản tự khai ngày 11-9-2018, bà M khai là không cung cấp danh sách cho các hụi viên vì họ không yêu cầu nên không có căn cứ xác định các hụi viên biết tổng số phần trong dây hụi hay không, gồm những ai, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm bà M chỉ cung cấp giấy xác nhận của 02 hụi viên, sau khi kháng cáo người đại diện theo ủy quyền của bà M cung cấp 06 giấy xác nhận được đánh máy sẵn, giống nhau từng chữ, không có chứng thực chữ ký, người đại diện theo ủy quyền của bà M không xác định được những người có tên trong giấy xác nhận có phải là hụi viên trong dây hụi đang tranh chấp hay không. Vì vậy không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của bà M không được Tòa án chấp nhận nên bà M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường; khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị M.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 40/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L đối với bà Huỳnh Thị M, về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

- Buộc bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 136.000.000 đồng tiền hụi còn nợ trong dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 29-3-2017 âm lịch, do bà M làm đầu thảo và 15.708.000 đồng tiền lãi do chậm trả, tổng cộng là 151.708.000 (một trăm năm mốt triệu, bảy trăm lẻ tám nghìn) đồng.

- Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M chưa giao đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng bà M còn phải trả cho bà L tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Huỳnh Thị M phải chịu 7.585.000 (bảy triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

+ Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 3.400.000 (ba triệu, bốn trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0005898 ngày 18 tháng 12 năm 2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0006905 ngày 09-12-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Thị Đồng